

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày 12-3- 2024
Về việc tranh chấp hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân -Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K A, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K A, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Ngày 25 tháng 4 (sau) năm 2020 âm lịch (do năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) bà có mở 01 dây hui, loại hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 36 chung, bà Lê Thị N có tham gia 01 chung trong danh sách hui ở vị trí số 28 tên 5 Chiến nhưng người trực tiếp giao dịch hui với bà là bà N vì bà N là vợ ông Chiến nên ở địa phương để tên chồng là 5 Chiến. Vào ngày 25/09/2021 (âm lịch) bà N bỏ hui 410.000 đồng hốt hui vào kỳ thứ 16 nên bà đã giao tiền hui cho bà N là 15 chung chết = 15.000.000 đồng, sống 20 chung = 11.800.000 đồng, trừ còn 500.000 đồng còn lại đã đã giao cho bà N là 26.300.000 đồng và bà N đã kết ký nhận tiền vào sổ theo dõi hui của bà. Sau khi bà N hốt hui thì có đóng hui chết cho bà, do dịch Covid nên dây hui này

bà có tạm dừng 02 tháng không gom hụi là tháng 06 và tháng 07 năm 2021 âm lịch. Hụi đến tháng 4/2023 âm lịch mãi nhưng bà N chỉ đóng hụi cho bà đến tháng 3/2023 âm lịch. Do đó bà N còn nợ bà một tháng hụi chết là 1.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh giải quyết buộc bà Lê Thị N trả cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 1.000.000 đồng.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Bà có tham gia hụi do bà D làm chủ, nhưng đây hụi mở ngày 25 tháng 4 (trước) năm 2020 âm lịch chứ không phải tháng tư sau như bà D trình bày. Đây hụi này loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 36 chung, bà có tham gia 01 chung trong danh sách hụi ở vị trí số 28 tên 5 Chiến vì 5 Chiến là chồng của bà nhưng người trực tiếp giao dịch hụi với bà D là bà chứ ông Chiến không tham gia. Ngày 25/9/2021 âm lịch bà bỏ hụi 410.000 đồng hết là đến kỳ thứ 17 chứ không phải kỳ thứ 16 nên bà D tính bà hụi chết 15 chung, hụi sống 20 chung là không đúng mà phải là hụi chết 16 chung, hụi sống 19 chung. Đây hụi này mãi vào tháng 3/2023 âm lịch chứ không phải tháng 4/2023 âm lịch như bà D trình bày. Do đó, bà đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà D nên bà D yêu cầu bà trả thêm 1.000.000 đồng tiền hụi chết bà không đồng ý. Tại sổ theo dõi hụi của bà D bà ghi tên 5 Chiến là vì bà D bắt bà phải ký vào sổ bà D mới giao tiền hụi, tiền hụi bà D đã giao cho bà là 26.300.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các 471 của Bộ luật dân sự, Điều 16, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi họ biếu phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Buộc bà N trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 1.000.000 đồng; về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N trả tiền hụi. Xét đây là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hụi*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả tiền hụi chết mà bà N còn nợ là 1.000.000 đồng. Giữa bà D và bà N xảy ra tranh chấp về việc góp tiền hụi chết là vì bà D cho rằng bà D mở hụi ngày 25 tháng 4 (sau) năm 2020 âm lịch (do năm 2020

nhuần hai tháng 4 âm lịch) bà N tham gia 01 chung hui nên phải góp tiền hui chết cho bà D đến tháng 4/2023 âm lịch mới mãn hui còn bà N cho rằng bà có tham gia hui do bà D làm chủ, nhưng đây hui mở ngày 25 tháng 4 (trước) năm 2020 âm lịch nên bà đã đóng hui chết đến mãn hui là tháng 3/2023 âm lịch, không còn nợ tiền hui chết của bà D.

Xét thấy, việc bà N có tham gia 01 chung hui do bà D làm chủ và bà N đã hót hui là có thật được bà N thừa nhận. Mặc dù bà D và bà N trình bày kỳ bà N hót hui có khác nhau nhưng cả bà D và bà N đều thống nhất số tiền hui bà N hót được là 26.300.000 đồng và bà D đã giao đủ tiền hui cho bà N. Bà D và bà N không thống nhất thời gian bà D bắt đầu mở hui vì bà D cho rằng bà D mở hui ngày 25 tháng 4 (sau) năm 2020 âm lịch (do năm 2020 nhuần hai tháng 4 âm lịch) còn bà N lại cho rằng hui mở ngày 25 tháng 4 (trước) năm 2020 âm lịch nên bà N đã đóng hui chết đến khi mãn hui. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai các hui viên cùng tham gia đây hui này và một số hui viên cũng có tờ tường thuật nộp cho Tòa án đều xác định bà D mở đây hui ngày 25 tháng 4 (sau) năm 2020 âm lịch (do năm 2020 nhuần hai tháng 4 âm lịch); đồng thời các hui viên cũng xác định bà D đã tạm dừng 02 tháng không gom hui là tháng 06 và tháng 07 năm 2021 âm lịch nên đây hui mãn vào tháng 4/2023 âm lịch. Vì bà N xác định chỉ đóng hui chết cho bà D đến tháng 3/2023 âm lịch nên vẫn còn nợ bà D 01 tháng hui chết với số tiền 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà D buộc bà N trả cho bà D tiền hui chết còn nợ là 1.000.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhận dân huyện U Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí, bà D đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Lê Thị N trả tiền hui.

Buộc bà Lê Thị N trả cho bà Nguyễn Thị D tổng số tiền hụi 1.000.000 (một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị N được miễn theo quy định.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011463 ngày 04 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà D, bà N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi